

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 282/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 30 – 12 – 2021
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phước Tân;
2. Bà Nguyễn Thị L.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Đỗ Ngọc Mai Thy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Chau San - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 228/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 530/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 544/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 18, ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lâm Văn Đ, sinh năm 1972; địa chỉ: Tổ 17, ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Nguyễn Thị T có mặt, ông Lâm Văn Đ vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 10/5/2021 của bà Nguyễn Thị T; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Lâm Văn Đ tự tìm hiểu quen biết nhau rồi tự về chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, không có tổ chức lễ cưới và đến nay cũng không đăng ký kết hôn.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, khoảng 10 năm trở lại đây thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Đ thiếu chung T trong đời sống vợ chồng, thường vô cớ kiếm chuyện đánh bà, tụ tập rượu chè. Nhiều lần bà T phải nhờ đến Công an xã can thiệp vì ông Đ có hành vi bạo lực gia đình đối với bà T. Bà T khuyên ngăn nhưng ông Đ không thay đổi nên bà T và ông Đ đã sống ly thân nhau 03 năm nay, gia đình hai bên có đứng ra hàn gắn nhưng không thành. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà T yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận bà T và ông Đ là vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông Đ chung sống với nhau có 02 (hai) con chung tên: Lâm Thị Trúc P, sinh ngày 01/01/1992 và Lâm Phong H, sinh ngày 31/5/2003. Hiện hai con chung đã trưởng thành, không mất khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết về con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Đ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 11/11/2021 nhưng ông Đ vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Đ, ông Đ cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án.

Ngày 11/11/2021, bà T có đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án, yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận công việc làm xa nên rất khó xin nghỉ để về vì sẽ ảnh hưởng thu nhập.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà T giao nộp: Bản chính Bản tự khai; Bản chính Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 311/UBND-HT ngày 31/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã Phước Hưng, huyện An Phú; bản sao Giấy khai sinh mang tên Lâm Phong Hào; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Lâm Văn Đ; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Nguyễn Thị T và Lâm Thị Trúc P.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai người làm chứng bà Trần Thị L ngày 11/11/2021.

Tại phiên tòa, do bà T và ông Đ cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà T, công bố biên bản lấy lời khai người làm chứng bà L và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng, bà Trần Thị L cho biết: Bà không có quan hệ gì với bà T và ông Đ, bà chỉ ở cùng xóm, sống gần nhà bà T và ông Đ. Theo bà biết thì bà T và ông Đ sống với nhau từ lâu và có với nhau 02 con chung. Quá trình bà T và ông Đ chung sống, bà L thường xuyên chứng kiến ông Đ đánh đập, xúc phạm bà T. Bà L nhiều lần chở bà T đi bệnh viện do bị ông Đ đánh, ngoài ra bà còn từng chở bà T đi đánh ghen vì ông Đ có quan hệ tình cảm với người khác, bà L còn bị ông Đ hăm dọa. Do bận công việc làm ăn nên bà L có yêu cầu được xét xử vắng mặt khi Tòa án triệu tập tham gia xét xử.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Bà T có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải, ông Đ có nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện AP nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà T và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định bà T và ông Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990, không tổ chức lễ cưới và cho đến nay vẫn không đăng ký kết hôn mặc dù được chính quyền địa phương khuyến khích và tạo điều kiện để đăng ký kết hôn, nên đề nghị không công nhận bà T và ông Đ là vợ chồng.

Về con chung: Có 02 con chung tên: Lâm Thị Trúc P, sinh ngày 01/01/1992 và Lâm Phong H, sinh ngày 31/5/2003. Hiện hai cháu đã trưởng thành, không bị mất khả năng lao động, bà T không yêu cầu giải quyết con chung. Nên không đề nghị xem xét về vấn đề con chung.

Về tài sản chung và nợ chung, bà T khai không có nên không xem xét, giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Lâm Văn Đ đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông Đ đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông Đ đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228, Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa bà T và ông Đ không có tổ chức lễ cưới và không đăng ký kết hôn. Ông Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Ấp PT, xã PH, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện AP, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà T cho rằng hôn nhân giữa bà T và ông Đ tự tìm

hiều quen biết nhau, sau đó chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1990, không tổ chức lễ cưới và đến nay cũng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Nhưng khoảng 10 năm trở lại đây thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Đ không chung T trong đời sống vợ chồng, thường vô cớ kiểm chuyện đánh bà, tụ tập rượu chè, từ đó làm mất hạnh phúc gia đình, có lần bà phải nhờ đến Công an. Bà T và ông Đ đã sống ly thân nhau 03 năm nay, gia đình hai bên có đứng ra hàn gắn nhưng không thành. Theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 311/UBND-HT ngày 31/5/2021 của Ủy ban nhân dân xã PH, huyện An Phú xác nhận thông tin về việc ông, bà không có đăng ký kết hôn tại địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà T và ông Đ chung sống nhưng không có đăng ký kết hôn là có căn cứ; cả hai chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, sống ly thân nhau 03 năm nay, chung sống có hành vi bạo lực gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Lâm Văn Đ là vợ chồng theo quy định tại Điều 9, Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Bà T và ông Đ chung sống với nhau có 02 (hai) con chung tên: Lâm Thị Trúc P, sinh ngày 01/01/1992 và Lâm Phong H, sinh ngày 31/5/2003. Cả hai con chung đã trưởng thành, không bị mất khả năng lao động nên bà T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tuy nhiên nếu sau này ông Đ có yêu cầu về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà T và ông Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, các điều 53, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Lâm Văn Đ là vợ chồng.

2. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006567 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AP, tỉnh An Giang.

Ông Lâm Văn Đ không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

3. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai có mặt bà Nguyễn Thị T, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của ông Lâm Văn Đ là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện An Phú;
- THADS huyện AP;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tuân